

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 506/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 29 – 10 – 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Bình;

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2018/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Phước C, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: Tổ 27, khu dân cư ấp Q, xã VA, huyện T, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Thái Thị Chúc H, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: Số nhà 789, tổ 27, ấp B, xã MT, huyện P, tỉnh An Giang; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2018, nguyên đơn anh Cườg trình bày như sau: Tôi và H chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VA vào ngày 07/02/2014. Đến năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn do chuyện kinh tế gia đình, ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hòa hợp nên yêu cầu xin ly hôn với chị H. Về quan hệ con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Thái Phước D, sinh ngày 16/10/2014, khi ly hôn đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, chị H không đến Tòa án nhân dân huyện P trình bày ý kiến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh C.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh C: Giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn, đồng ý để chị H Tiếp tục nuôi con chung tên Thái Phước D; về quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn chị Thái Thị Chúc H: Vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Anh C và chị H chung sống có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, vì chuyện kinh tế gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh C kiên quyết ly hôn. Tại biên bản xác minh thể hiện chị H được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, cả hai sống ly thân đã lâu nên tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thái Phước D, sinh ngày 16/10/2014; con đang được chị H trực tiếp nuôi. Anh C đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con, không tranh chấp về việc nuôi con. Đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi. Do chị H vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, không có yêu cầu cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ngày 30 tháng 5 năm 2018 thể hiện: Chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 27, ấp B, xã MT, huyện P, tỉnh An Giang. Anh C khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn chị Thái Thị Chúc H đã được Tòa án nhân dân huyện P tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VA nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 8, Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh C và chị H như sau: Anh C cho rằng do có thời gian vợ chồng đi Bình Dương làm thuê sinh sống, thời gian đầu hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do chuyện kinh tế gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay, tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho chị H nhưng chị H vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh C. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh ngày 10 tháng 8 năm 2018 thể hiện địa pH không rõ nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy không rõ nguyên nhân mâu thuẫn, nhưng thực tế giữa anh C và chị H thời gian sống ly thân đã lâu, chị H không quan tâm cuộc sống hôn nhân, vì chuyện kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên gây cãi. Anh C xác định không còn tình cảm với chị H, kiên quyết ly hôn. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung Thái Phước D, sinh ngày 16/10/2014. Xét thấy, chị H đang trực tiếp nuôi con chung, anh C không tranh chấp về việc nuôi con, đồng ý giao con cho chị H trực tiếp nuôi, đảm bảo quyền lợi, ổn định cho con chung. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi, chị H không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, anh C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017642 ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Phước C ly hôn với chị Thái Thị Chúc H.

- Về quan hệ con chung: Chị Thái Thị Chúc H được trực tiếp nuôi con chung tên Thái Phước D, sinh ngày 16/10/2014. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Anh C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0002358 ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã VA;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến Anh